

THÔNG BÁO
CHỈ ĐỊNH-CHỐNG CHỈ ĐỊNH-CÁCH DÙNG-LIỀU DÙNG NHÓM THUỐC CHỮA HEN VÀ BỆNH PHỔI TẮC NGHỀN MÃN TÍNH
2025-2027

Stt	Tên hoạt chất/thành phần dược liệu - Nồng độ - Hàm lượng	Tên thương mại	Đơn vị tính	Chỉ định	Chống chỉ định	Cách dùng-Liều dùng
1	Bambuterol hydroclorid-10mg	Dontac 10mg	Viên	- Hen phế quản. - Viêm phế quản mạn tính, khí phế thũng. - Các bệnh lý phổi khác có kèm co thắt phế quản.		*Cách dùng: Uống ngay trước khi đi ngủ. *Liều dùng: Người lớn: Liều khởi đầu 10mg. Có thể tăng liều đến 20mg sau 1-2 tuần tùy theo hiệu quả lâm sàng. Ở những bệnh nhân trước đây đã dung nạp tốt các thuốc chủ vận beta 2 dạng uống, liều khởi đầu khuyến dùng 20mg. Ở bệnh nhân suy chức năng thận (GFR ≤ 50ml/phút): Liều khởi đầu 5mg có thể tăng đến 10mg sau 1-2 tuần tùy theo hiệu quả lâm sàng. Trẻ em 2-5 tuổi: Liều khuyến dùng thông thường 10mg, nhưng do sự khác biệt về dược động học nên dùng liều 5mg cho trẻ em ở các nước phương Đông. Trẻ em 6-12 tuổi: Liều khởi đầu khuyến dùng 10mg. Có thể tăng đến 20mg sau 1-2 tuần tùy theo hiệu quả lâm sàng. Do sự khác biệt về dược động học, liều lớn hơn 10mg không được khuyến cáo cho trẻ em ở các nước phương Đông.

Stt	Tên hoạt chất/thành phần dược liệu - Nồng độ - Hàm lượng	Tên thương mại	Đơn vị tính	Chỉ định	Chống chỉ định	Cách dùng-Liều dùng
2	Budesonid, Formoterol fumarate dihydrate-Mỗi liều phóng thích chứa: Budesonid 160mcg; Formoterol fumarate dihydrate 4,5mcg; 60 liều	Symbicort Turbuhaler	Ống	- Người lớn và trẻ vị thành niên (từ 12 tuổi trở lên) trong điều trị bệnh hen (suyễn) để đạt được kiểm soát hen toàn diện, bao gồm giảm triệu chứng và giảm nguy cơ các đợt kịch phát. - Người lớn từ 18 tuổi trở lên trong điều trị triệu chứng cho các bệnh nhân mắc bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính với thể tích thở ra gắng sức trong giây đầu (FEV_1) < 70% so với giá trị bình thường ước tính (sau khi dùng thuốc giãn phế quản) và tiền sử có cơn kịch phát mặc dù được điều trị thường xuyên bằng thuốc giãn phế quản.		*Cách dùng: Hít mạnh và sâu qua đầu ngậm để đảm bảo liều tối ưu sẽ được phóng thích vào phổi. Không được thở ra qua đầu ngậm. Đậy nắp sau khi sử dụng. Súc miệng sau khi hít liều duy trì để giảm thiểu nguy cơ nhiễm nấm ở hầu-họng. Nếu có nấm ở hầu-họng, bệnh nhân cũng phải súc miệng bằng nước sau khi hít các liều khi cần thiết. *Liều dùng: Hen (suyễn): <i>Liệu pháp kháng viêm giảm triệu chứng bằng Symbicort (cho các bệnh nhân hen nhẹ)</i> Người lớn và trẻ từ 12 tuổi trở lên: 1 hít khi có triệu chứng. Nếu triệu chứng vẫn còn sau vài phút, nên dùng thêm 1 hít nữa. Không dùng quá 6 liều hít trong 1 lần. Tổng liều hàng ngày nhiều hơn 8 hít thường không cần thiết, tuy nhiên tổng liều hàng ngày lên tới 12 hít có thể sử dụng tạm thời. Nếu các triệu chứng diễn tiến nặng hơn trong khoảng thời gian 3 ngày sau khi sử dụng thêm các hít khi cần. Trẻ em < 12 tuổi: Tính an toàn và hiệu quả chưa được nghiên cứu. <i>Liệu pháp điều trị duy trì và kháng viêm giảm triệu chứng bằng Symbicort</i> Người lớn và trẻ từ 12 tuổi trở lên: 1 liều hít khi có triệu chứng để kiểm soát hen. Nếu triệu chứng vẫn còn sau vài phút, nên dùng thêm 1 liều hít nữa. Không dùng quá 6 liều hít trong 1 lần. Liều duy trì khuyến cáo 2 hít/ngày 1 liều hít buổi sáng và 1 liều hít buổi tối hoặc 2 liều hít vào buổi sáng hoặc buổi tối. Một số bệnh nhân có thể dùng liều duy trì 2 hít x 2 lần/ngày. Liều duy trì nên được hiệu chỉnh đến mức liều thấp nhất mà vẫn đạt được hiệu quả kiểm soát hen. Tổng liều hàng ngày nhiều hơn 8 hít thường không cần thiết, tuy nhiên tổng liều hàng ngày lên tới 12 hít có thể sử dụng tạm thời. Nếu các triệu chứng diễn tiến nặng hơn trong khoảng thời gian 3 ngày sau khi sử dụng liệu pháp duy trì và dùng thêm các hít khi cần. Trẻ em < 12 tuổi: Không khuyến cáo dùng. <i>Liệu pháp điều trị duy trì bằng Symbicort (liều cố định)</i> Người lớn từ 18 tuổi trở lên: 1-2 hít x 2 lần/ngày. Một số bệnh nhân có thể cần liều lên đến tối đa 4 hít/lần x 2 lần/ngày. Trẻ em 12-17 tuổi: 1-2 hít/lần x 2 lần/ngày. Trẻ em < 6 tuổi không khuyến cáo dùng. Bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính (COPD) Người lớn: Liều khuyến cáo 2 hít/lần x 2 lần/ngày.

Stt	Tên hoạt chất/thành phần dược liệu - Nồng độ - Hàm lượng	Tên thương mại	Đơn vị tính	Chỉ định	Chống chỉ định	Cách dùng-Liều dùng
3	Ipratropium bromide khan + Fenoterol hydrobromide-250mcg/ml + 500mcg/ml	Berodual	Lọ	Berodual là một thuốc giãn phế quản để phòng ngừa và điều trị các triệu chứng trong bệnh tắc nghẽn đường hô hấp mạn với hạn chế đường hô hấp có hồi phục như hen phế quản và viêm phế quản mạn có hoặc không có khí phế thũng. Nên cân nhắc điều trị kết hợp với thuốc kháng viêm cho những bệnh nhân hen phế quản và bệnh phổi tắc nghẽn đường hô hấp mạn tính (COPD) đáp ứng với steroid.	Bệnh nhân cơ tim tắc nghẽn phì đại và loạn nhịp nhanh.	*Cách dùng: Dung dịch khí dung chỉ được sử dụng để hít với thiết bị khí dung phù hợp. Không được uống. Pha loãng liều đề nghị với nước muối sinh lý để đạt thể tích 3-4ml và khí dung cho đến khi đủ đạt được việc giảm triệu chứng. Không pha loãng Berodual dung dịch khí dung với nước cất. Nên pha loãng dung dịch trước mỗi lần sử dụng; loại bỏ phần dung dịch đã pha không dùng đến. Nên khí dung ngay dung dịch sau khi chuẩn bị. *Liều dùng: Người lớn (kể cả người cao tuổi) và thanh thiếu niên > 12 tuổi Con cơ thất phế quản cấp: Tùy thuộc vào mức độ nghiêm trọng của cơn cấp tính, có thể sử dụng phạm vi liều từ 261mcg ipratropium bromide/500mcg fenoterol hydrobromide (tương ứng 1ml = 20 giọt) đến 652,5mcg ipratropium bromide/1250mcg fenoterol hydrobromide (tương ứng 2,5ml = 50 giọt). Trong trường hợp đặc biệt nặng, có thể dùng liều cao hơn đến 1044mcg ipratropium bromide/2000mcg fenoterol hydrobromide (tương ứng 45ml = 80 giọt). Trẻ em từ 6-12 tuổi Con hen cấp: Tùy thuộc vào mức độ nghiêm trọng của cơn cấp tính và độ tuổi, có thể sử dụng phạm vi liều từ 130,5mcg ipratropium bromide/250mcg fenoterol hydrobromide (tương ứng 0,5ml = 10 giọt) đến 522mcg ipratropium bromide/1000mcg fenoterol hydrobromide (tương ứng 2,0ml = 40 giọt). Trẻ < 6 tuổi (thể trọng < 22kg) Liều khuyến nghị dưới đây được sử dụng dưới sự giám sát y khoa: Khoảng 26,1mcg ipratropium bromide/50mcg fenoterol hydrobromide (tương ứng 0,1ml = 2 giọt) mỗi kilogam cân nặng cho đến liều tối đa là 0,5ml (= 10 giọt).

Stt	Tên hoạt chất/thành phần dược liệu - Nồng độ - Hàm lượng	Tên thương mại	Đơn vị tính	Chỉ định	Chống chỉ định	Cách dùng-Liều dùng
4	Montelukast (dưới dạng Montelukast sodium)-10mg	Montelukast 10	Viên	- Người bệnh lớn tuổi và trẻ em trên 6 tháng tuổi để dự phòng và điều trị hen phế quản mạn tính, bao gồm dự phòng cả các triệu chứng hen ban ngày và ban đêm, điều trị người hen nhạy cảm với aspirin, và dự phòng cơn co thắt phế quản do gắng sức. - Giảm các triệu chứng ban ngày và ban đêm của viêm mũi dị ứng (viêm mũi dị ứng theo mùa cho người lớn và trẻ em từ 2 năm tuổi trở lên, và viêm mũi dị ứng quanh năm cho người lớn và trẻ em từ 6 tháng tuổi trở lên).		*Cách dùng: Dùng đường uống. Uống mỗi ngày một lần. Điều trị hen cần uống thuốc vào buổi tối. Viêm mũi dị ứng thời gian dùng thuốc tùy thuộc vào nhu cầu của từng đối tượng. Người bệnh vừa hen vừa viêm mũi dị ứng nên dùng mỗi ngày 1 liều vào buổi tối. *Liều dùng: Người lớn và thanh thiếu niên 15 tuổi trở lên mắc bệnh hen, co thắt phế quản do gắng sức hoặc viêm mũi dị ứng: 1 viên mỗi ngày. Trẻ em < 15 tuổi không dùng viên nén bao phim.
5	Salbutamol (dưới dạng salbutamol sulfate)-5mg/2,5ml	Atisaltolin 5 mg/2,5 ml	Ống	Sử dụng cho người lớn và trẻ em từ 4 tuổi trở lên để: - Điều trị chứng co thắt phế quản mạn tính không đáp ứng với liệu pháp thông thường. - Điều trị hen suyễn nặng cấp tính.	Không sử dụng dung dịch khí dung Atisaltolin để ngăn chuyển dạ sớm không biến chứng hay dọa sảy thai.	*Cách dùng: Dung dịch khí dung Atisaltolin chỉ dùng để hít, được hít vào bằng miệng dưới sự hướng dẫn của bác sĩ thông qua máy phun sương phù hợp như máy phun khí dung, ống chữ T hay ống nội khí quản. *Liều dùng: Người lớn: 2,5mg-5mg/lần, tối đa 4 lần/ngày. Có thể dùng đến 40mg mỗi ngày dưới sự giám sát nghiêm ngặt tại bệnh viện. Trẻ em: - Trẻ em từ 4-11 tuổi: 2,5mg-5mg/lần, tối đa 4 lần/ngày. - Trẻ em < 4 tuổi: Nên dùng các dạng bào chế khác thích hợp hơn.
6	Salbutamol (dưới dạng Salbutamol sulfat)-2mg/5ml	Salbuvin	Gói	- Giảm co thắt phế quản trong mọi loại hen phế quản, viêm phế quản mạn và khí phế thũng. - Salbuvin siro là liệu pháp điều trị dạng uống phù hợp cho trẻ em hoặc những người lớn thích dùng thuốc dạng dung dịch.	Không dùng những dạng bào chế không dùng theo đường tĩnh mạch của salbutamol để ngăn chuyển dạ sớm không biến chứng hay dọa sảy thai.	*Cách dùng: Lắc đều lọ trước khi dùng. Có thể pha với nước uống khi dùng. *Liều dùng: Người lớn: Liều thông thường 10ml siro (4mg salbutamol) x 3-4 lần/ngày. Nếu không đạt được tác dụng giãn phế quản thích hợp thì có thể tăng dần mỗi liều đơn lên đến 20ml siro (8mg salbutamol). Một số bệnh nhân hiệu quả giãn phế quản thích hợp đạt được với liều 5ml siro (2mg salbutamol) x 3-4 lần/ngày. Trẻ em: - 2-6 tuổi: 2,5-5ml siro (1-2mg salbutamol) x 3-4 lần/ngày. - 6-12 tuổi: 5ml siro (2mg salbutamol) x 3-4 lần/ngày. - Trên 12 tuổi: 5-10ml siro (2-4mg salbutamol) x 3-4 lần/ngày. Bệnh nhân cao tuổi hoặc những bệnh nhân đã biết nhạy cảm khác thường với thuốc kích thích beta adrenergic, nên bắt đầu điều trị với liều 5ml siro (2mg salbutamol) x 3-4 lần/ngày.

Stt	Tên hoạt chất/thành phần dược liệu - Nồng độ - Hàm lượng	Tên thương mại	Đơn vị tính	Chỉ định	Chống chỉ định	Cách dùng-Liều dùng
7	Ipratropium bromide anhydrous (dưới dạng Ipratropium bromide monohydrate) + Salbutamol (dưới dạng Salbutamol sulfate)- 0,500mg + 2,500mg	Combivent	Lọ	Dung dịch dùng cho khí dung trong lọ đơn liều được chỉ định để kiểm soát co thắt phế quản có hồi phục do bệnh lý tắc nghẽn đường hô hấp ở những bệnh nhân cần nhiều hơn một thuốc giãn phế quản.	Bệnh cơ tim tắc nghẽn phì đại hoặc loạn nhịp nhanh.	*Cách dùng: Lọ thuốc đơn liều chỉ được dùng để hít với dụng cụ thích hợp, không được uống hoặc tiêm. Không cần thiết pha loãng dung dịch trong lọ đơn liều để khí dung. - Chuẩn bị dụng cụ khí dung để nạp thuốc theo hướng dẫn của nhà sản xuất hoặc bác sĩ. - Mở túi thuốc và tách rời một lọ đơn liều từ vỉ thuốc. - Mở lọ đơn liều bằng cách vặn mạnh đầu trên của lọ thuốc. - Ép mạnh thân lọ để thuốc chảy vào bầu khí dung. - Lắp dụng cụ khí dung và sử dụng theo đúng hướng dẫn. - Sau khi dùng, loại bỏ phần thuốc còn lại trong bầu khí dung và làm sạch dụng cụ khí dung theo sự hướng dẫn của nhà sản xuất. <i>Vì lọ thuốc đơn liều không có chất bảo quản, nên điều quan trọng là cần dùng ngay dung dịch thuốc sau khi mở và lọ thuốc mới chỉ được dùng một lần để tránh nhiễm khuẩn. Nên loại bỏ những lọ thuốc đã dùng một phần, đã mở hoặc bị hư.</i> Tuyệt đối không được trộn Combivent dung dịch khí dung với các thuốc khác trong cùng một dụng cụ khí dung. *Liều dùng: Điều trị cơn cấp tính: 1 lọ đơn liều là đủ để cắt cơn nhanh chóng trong nhiều trường hợp. Trong các trường hợp nặng, nếu không cắt cơn được với một lọ đơn liều, có thể cần dùng đến lọ đơn liều thứ 2. Điều trị duy trì: 1 lọ đơn liều x 3-4 lần/ngày. Không được chỉ định cho bệnh nhân nhi.

Tài liệu tham khảo:
-Thông tin nhà sản xuất

TRƯỞNG KHOA DƯỢC-VT-TBYT

NGƯỜI LẬP BẢNG

Lê Công Trầm

Phan Ngọc Tuyền